BỘ NÔNG NGHIỆP & PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Số **769** /QĐ-ĐHLN-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Quy định danh mục các môn học chuyên ngành cốt lõi của ngành đào tạo khi học chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 5420/BNN-TCCB ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg, ngày 31/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 600/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Ban hành Khung chương trình giáo dục đại học theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 2304/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Ban hành quy định xét công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Biên bản về việc xác định môn học cốt lõi theo ngành đào tạo của các Tiểu ban thuộc các Khoa/Viện trong đào tạo trình độ đại học, liên thông trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định danh mục các môn học chuyên ngành cốt lõi của các ngành đào tạo khi học chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học tại trường Đại học Lâm nghiệp (*Có danh sách tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Danh mục các môn học cốt lõi Quy định tại Điều 1 thay thế danh mục các môn học cốt lõi tại Quyết định số 2304/QĐ-ĐHLN-ĐT ngày 15/12/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông.

Điều 3. Trưởng các Đơn vị trong Trường có liên quan; Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, tại tỉnh Gia Lai và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng;
- Chủ tịch HĐT;
- Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Văn Chứ

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÔN HỌC CỐT LÕI TRONG CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 769 /QĐ-ĐHLN-ĐT, ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp)

1. Ngành Công nghệ chế biến lâm sản

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Khoa học gỗ	4	
2	Máy và thiết bị chế biến lâm sản	4	
3	Công nghệ xẻ	2	
4	Công nghệ sấy gỗ	3	
5	Keo dán gỗ	2	
6	Công nghệ vật liệu gỗ	4	
7	Bảo quản gỗ	2	
8	Thiết kế đồ gỗ	3	
9	Công nghệ mộc	3	
10	Công nghệ trang sức vật liệu gỗ	2	
11	Tổ chức sản xuất chế biến gỗ	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**31**	

2. Ngành Thiết kế nội thất

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Vẽ kỹ thuật trong thiết kế nội thất	2	
2	Vật liệu nội thất	3	
3	Nguyên lý thiết kế nội thất	3	
4	Ergonomics trong thiết kế nội thất	2	
5	Công nghệ gia công sản phẩm nội thất	4	
6	Thiết kế sản phẩm nội thất	4	
7	Thiết kế nội thất nhà ở	3	
8	Thiết kế nội thất công trình công cộng	4	
9	Thiết kế thi công công trình nội thất	3	
10	Tổ chức thi công công trình nội thất	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**31**	

3. Ngành Quản lý đất đai

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Trắc địa địa chính	3	
2	Bản đồ địa chính	3	
3	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	3	
4	Quản lý hành chính về đất đai	3	
5	Đăng ký và thống kê đất đai	3	
6	Thanh tra đất đai	2	
7	Quy hoạch đất đai và bất động sản	3	
8	Định giá bất đống sản	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**23**	

4. Ngành Khoa học cây trồng

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Nguyên lý và chọn tạo giống cây trồng	3	
2	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	3	
3	Canh tác học	2	
4	Cây rau	3	
5	Cây lương thực	4	
6	Cây công nghiệp	4	
7	Cây ăn quả	4	
8	Hoa và cây cảnh	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**25**	

5. Ngành Khuyến nông

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Phương pháp thí nghiệm đồng ruộng	2	
2	Trồng trọt	3	
3	Chăn nuôi	3	
4	Kỹ năng truyền thông trong khuyến nông	2	
5	Phương pháp khuyến nông	3	
6	Lập kế hoạch khuyến nông	2	
7	Giám sát và đánh giá các hoạt động khuyến nông	2	
8	Nông lâm kết hợp 1	2	
9	Phương pháp đào tạo cán bộ tập huấn	2	
10	Phương pháp đào tạo cho người lớn tuổi	2	
11	Nông lâm kết hợp 2	1	
	Tổng cộng số tín chỉ	**24**	

6. Ngành Thú y

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Dược liệu thú y	3	
2	Ứng dụng công nghệ sinh học trong thú y	2	
3	Bệnh lý học thú y 2	3	
4	Bệnh truyền nhiễm thú y 2	2	
5	Bệnh ngoại khoa thú y	3	
6	Ký sinh trùng thú y	3	
7	Bệnh nội khoa thú y	3	
8	Sinh sản gia súc 2	2	
9	Dịch tễ học thú y	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**23**	

7. Ngành Chăn nuôi

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Sinh lý động vật	3	
2	Vi sinh vật chăn nuôi	2	
3	Thiết kế chuồng trại	2	
4	Chọn và nhân giống vật nuôi	3	
5	Thức ăn chăn nuôi	3	
6	Chăn nuôi lợn	3	
7	Chăn nuôi gia cầm	3	
8	Chăn nuôi bò	2	
9	Chăn nuôi dê và thỏ	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**23**	

8. Ngành Công nghệ sinh học

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kỹ thuật di truyền	2	
2	Công nghệ tế bào thực vật	3	
3	Công nghệ tế bào động vật	2	
4	Công nghệ vi sinh	2	
5	Công nghệ hóa sinh	2	
6	Công nghệ nuôi trồng nấm	2	
7	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2	
8	Chọn giống và gây trồng cây dược liệu	2	
9	Thực hành Kỹ thuật di truyền	2	
10	Thực hành Công nghệ tế bào thực vật	2	
11	Thực hành Công nghệ tế bào động vật	1	
12	Thực hành Công nghệ vi sinh	2	
13	Thực hành Công nghệ hóa sinh	2	
14	Thực hành Công nghệ nuôi trồng nấm	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**28**	

9. Ngành Kiến trúc cảnh quan

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Sinh thái cảnh quan	2	
2	Vật liệu cảnh quan	3	
3	Thiết kế kiến trúc và cấu tạo	3	
4	Thiết kế cảnh quan cây xanh	2	
5	Kỹ thuật hạ tầng cảnh quan	3	
6	Kỹ thuật trồng cây cảnh quan 1	3	
7	Kỹ thuật trồng cây cảnh quan 2	3	
8	Quy hoạch thiết kế cảnh quan	3	
9	Quy hoạch hệ thống không gian xanh đô thị	3	
10	Thi công công trình cảnh quan	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**28**	

10. Ngành Lâm nghiệp đô thị

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Thiết kế cảnh quan cây xanh	2	
2	Sinh thái cảnh quan	2	
3	Thiết kế vườn - công viên 1	3	
4	Vườn ươm cây đô thị	3	
5	Kỹ thuật trồng hoa thảo đô thị	3	
6	Kỹ thuật trồng cây gỗ đô thị	3	
7	Quy hoạch không gian xanh đô thị	3	
8	Thiết kế vườn - công viên 2	4	
9	Ứng dụng cây xanh nội thất	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**25**	

11. Ngành Kế toán

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Nguyên lý kế toán	2	
2	Kế toán tài chính	4	
3	Kế toán thương mại, dịch vụ và xây lắp	2	
4	Kế toán quản trị	3	
5	Lý thuyết kiểm toán	2	
6	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	
7	Tài chính doanh nghiệp	3	
8	Tài chính tiền tệ	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**22**	

12. Ngành Quản trị kinh doanh

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Quản trị học	3	
2	Marketing căn bản	3	
3	Quản trị kinh doanh 1	3	
4	Quản trị kinh doanh 2	3	
5	Quản lý dự án đầu tư	3	
6	Quản trị nhân lực	3	
7	Quản trị kinh doanh thương mại	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**21**	

13. Ngành Kinh tế

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô 1	3	
2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
3	Kinh tế lượng 1	3	
4	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội	2	
5	Chính sách công	3	
6	Kinh tế phát triển	3	
7	Kinh tế công cộng	3	
8	Kinh tế đầu tư	3	
9	Kinh tế quốc tế	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**26**	

14. Ngành Công tác xã hội

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Lý thuyết công tác xã hội	3	
2	Nhập môn công tác xã hội	3	
3	Hành vi con người và môi trường xã hội	3	
4	Công tác xã hội cá nhân	3	
5	Công tác xã hội nhóm	3	
6	Phát triển cộng đồng trong công tác xã hội	3	
7	Tham vấn trong công tác xã hội	3	
8	Kiểm huấn trong công tác xã hội	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**23**	

15. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế du lịch	2	
2	Marketing du lịch	3	
3	Quản trị học	3	
4	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	
5	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	
6	Quản trị chất lượng dịch vụ	3	
7	Hướng dẫn du lịch	2	
8	Quản trị tour	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**22**	

16. Ngành Hệ thống thông tin

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Lập trình căn bản	4	
2	Toán rời rạc	4	
3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	4	
4	Lập trình hướng đối tượng	3	
5	Cơ sở dữ liệu	3	
6	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	
7	Mạng máy tính	3	
8	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**27**	

17. Ngành Kinh tế nông nghiệp

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô 1	3	
2	Kinh tế vĩ mô 1	3	
3	Kinh tế lượng 1	3	
4	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	
5	Chính sách nông nghiệp nông thôn	3	
6	Kinh tế nông nghiệp	3	
7	Kinh tế phát triển	3	
8	Kinh tế đất	3	
9	Kinh tế đầu tư	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**26**	

18. Ngành Quản lý tài nguyên rừng

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Khí tượng thủy văn	2	
2	Ứng dụng công nghệ địa không gian trong quản lý tài nguyên rừng	3	
3	Cây rừng	3	
4	Động vật rừng	3	
5	Côn trùng học	3	
6	Bệnh cây học	2	
7	Đa dạng sinh học	2	
8	Thực vật rừng quý hiếm	3	
9	Động vật rừng quý hiếm	3	
10	Quản lý lửa rừng	3	
11	Bảo vệ rừng tổng hợp	3	
12	Quản lý lưu vực	3	
13	Thực tập Quản lý lưu vực	1	
14	Thực tập Ứng dụng công nghệ địa không gian trong quản lý tài nguyên rừng	1	
15	Thực tập cây rừng	2	
16	Thực tập Động vật rừng	1	
17	Thực tập Côn trùng học	1	
18	Thực tập Bệnh cây học	1	
19	Thực tập Quản lý lửa rừng	1	
	Tổng cộng số tín chỉ	**41**	

19. Ngành Khoa học môi trường

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Hóa môi trường	3	
2	Vi sinh vật môi trường	2	
3	Thổ nhưỡng	3	
4	Phân tích môi trường	3	
5	Công nghệ môi trường	3	
6	Quan trắc môi trường	2	
7	Khoa học môi trường Đại cương	3	
8	Đánh giá môi trường	3	
9	Công nghệ quản lý môi trường	2	
10	Quy hoạch môi trường	2	
11	Quản lý môi trường	2	
	Tổng cộng số tín chỉ	**28**	

20. Ngành Bảo vệ thực vật

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Côn trùng đại cương	4	
2	Bệnh cây đại cương	4	
3	Quản lý dịch hại tổnghợp (IPM)	4	
4	Côn trùng chuyên khoa	4	
5	Bệnh cây chuyên khoa	4	
6	Thuốc bảo vệ thực vật	3	
7	Côn trùng và vi sinh vật có ích	4	
8	Động vật hại nông nghiệp	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**30**	

21. Ngành Du lịch sinh thái

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Khoa học du lịch và cơ sở của du lịch sinh thái	2	
2	Nhận biết thực vật	3	
3	Nhận biết động vật	3	
4	Nhận biết côn trùng	2	
5	Tập tính động vật	2	
6	Quản lý du lịch sinh thái trong Khu bảo tồn thiên nhiên/Vườn quốc gia	3	
7	Quy hoạch du lịch sinh thái	3	
8	Thiết kế sản phẩm du lịch sinh thái và tổ chức cung ứng	3	
9	Diễn giải môi trường	2	
10	Nghiệp vụ du lịch	4	
	Tổng cộng số tín chỉ	**27**	

22. Ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Hóa học môi trường	3	
2	Ứng dụng công nghệ địa không gian trong quản lý tài nguyên môi trường	3	
3	Sinh thái ứng dụng trong bảo vệ môi trường	2	
4	Phân tích môi trường	3	
5	Đánh giá tác động môi trường	2	
6	Khoa học đất	3	
7	Quản lý môi trường	2	
8	Quy hoạch môi trường	2	
9	Quản lý thực vật	3	
10	Quản lý động vật hoang dã	3	
11	Côn trùng	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**29**	

23. Ngành Lâm sinh/Lâm học

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Cây rừng	3	
2	Khoa học đất	3	
3	Giống cây rừng	3	
4	Điều tra rừng	3	
5	Thực tập Điều tra rừng	1	
6	Kỹ thuật lâm sinh	3	
7	Trồng rừng	3	
8	Quy hoạch lâm nghiệp	4	
9	Thực tập Quy hoạch lâm nghiệp	1	
10	Thực tập Cây rừng	2	
11	Thực tập Khoa học đất	1	
12	Thực tập Giống cây rừng	1	
13	Thực tập Kỹ thuật lâm sinh	1	
14	Thực tập Trồng rừng	1	
	Tổng cộng số tín chỉ	**30**	

24. Ngành Kỹ thuật xây dựng

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Kết cấu bê tông cốt thép	3	
2	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép	1	
3	Thiết kế đường ô tô	3	
4	Đồ án thiết kế đường ô tô	1	
5	Thiết kế nhà bê tông cốt thép	3	
6	Đồ án thiết kế nhà bê tông cốt thép	1	
7	Thủy công	3	
8	Đồ án thủy công	1	
9	Tin học ứng dụng 1	2	
10	Tin học ứng dụng 2	2	
11	Kỹ thuật thi công	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**23**	

25. Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Chi tiết máy	3	
2	Công nghệ chế tạo máy	3	
3	Thiết kế có sự trợ giúp của máy tính	3	
4	Kỹ thuật điều khiển tự động	3	
5	Kỹ thuật vi điều khiển	3	
6	Điều khiển Logic và PLC	3	
7	Robot công nghiệp	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**21**	

26. Ngành Kỹ thuật cơ khí

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Chi tiết máy	3	
2	Thiết kế có sự trợ giúp của máy tính	3	
3	Cơ khí đại cương	3	
4	Động cơ đốt trong	3	
5	Cấu tạo ô tô	3	
6	Công nghệ chế tạo máy	3	
7	Công nghệ CAD/CAM-CNC	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**21**	

27. Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Tên môn học/học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	Vật liệu trong chế tạo và khai thác ô tô	3	
2	Cơ khí đại cương	3	
3	Công nghệ chế tạo phụ tùng ô tô	3	
4	Nguyên lý động cơ đốt trong	3	
5	Kết cấu động cơ đốt trong	3	
6	Cấu tạo ô tô	3	
7	Kỹ thuật chuẩn đoán và kiểm định ô tô	3	
	Tổng cộng số tín chỉ	**21**	